

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN  
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ -ST

Ngày 11/6/2021

"V/v ly hôn "

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình

Ông Trần Quang Chữ

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Sam - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 91/2021/TLST - HNGĐ ngày 02/4/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 06/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1969 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Bùi Minh S, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Đều trú tại: B S, B S, Ân Thi, Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2020 và lời khai của bà L trình bày: Bà và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào ngày 11/11/2016, sau khi thành vợ chồng bà về ngay gia đình ông S ở. Vợ chồng bà chung sống với nhau, có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, được vài tháng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân một phần do ông S đối xử với bà không tốt, khi thời tiết thay đổi, viên đạn bị bắn ở vai, ông S lại đau, sau đó đánh bà, bà đã phải đi viện, thêm vào đó con trai ông S ly hôn vợ, đòi lấy con gái bà, nhưng bà không đồng ý, từ đó ông S và gia đình ông S coi thường tôi, không còn thương yêu, tôn trọng tôi nữa, bố con ông S bàn nhau bán nhà để đi Hà Nội, tháng 4/2020 tôi mách người mua nhà, sau đó bán nhà ở Đào Dương và các con ông S nói bố yếu đón lên trông nom. Từ đó lương của ông S, ông S lĩnh, bà có gọi điện cho ông S bảo ông S về nhưng ông S không về, qua một thời gian tháng 12/2020 bà làm đơn ly hôn, thông báo cho ông S thì ông S bảo đang phải nằm viện chưa về được, khoảng vài

tháng sau ông S lại bảo bà rút đơn nhưng ông S không về. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà làm đơn xin ly hôn ông S.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà không có con chung

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của chị Bùi Thị Yên (con đẻ của ông S) trình bày: Mẹ chị mất năm 2015, sau một thời gian bạn của ông S giới thiệu bà L, hai người tìm hiểu nhau một thời gian thì thống nhất đến kết hôn, ông S lấy bà L vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương. Sau khi thành vợ chồng bà L về ngay gia đình chị ở, ông bà chung sống với nhau tại Đào Xá, Đào Dương, con các con của ông S đều làm ăn ở Hà Nội, do không chung sống với ông bà nên ông bà có mâu thuẫn hay không chị không rõ, nhưng chị được biết sau thời gian chung sống vì những bất đồng, đặc biệt là con cái nên hai bên căng thẳng, tháng 4/2020 ông S ốm nên chị đón ông S lên Hà Nội, sau đó phải đi viện điều trị, đầu năm 2021 ông S về, trong thời gian ông S đi viện, bà L không hỏi thăm, chăm sóc gì. Đến nay đã hơn 1 năm bà L, ông S không còn qua lại gì với nhau. Chị đã nói với ông S, ông S nhất trí ly hôn nhưng do tuổi cao, sức yếu nên ông S không về được, chị nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho ông S.

Về con chung: Ông S, bà L không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông S, bà L không có.

Đối với ông S: Sau khi thụ L vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên ông S đều vắng mặt không có L do nên không xác định được yêu cầu, đề nghị của ông S trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đào Dương: Ông S, bà L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào ngày 11/11/2016 tại số 94. Quá trình ông S, bà L chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay ông S đã chuyển khẩu về B S, B S, Ân Thi, Hưng Yên

Về con chung: Ông S, bà L không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Xác minh với UBND xã Bắc Sơn: Bà L, ông S có kết hôn với nhau, có hộ khẩu thường trú tại thôn B S, B S nhưng không chung sống tại địa phương. Vì vậy, bà L, ông S có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 27/5/2021: Bà L có mặt, ông S vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 11/6/2021: Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ L giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS như thụ L vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, triệu tập nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có L do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không có

- Án phí: Bà L phải chi án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào ngày 11/11/2016. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông S là hợp pháp. Nay bà L có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Ông S cư trú tại B S, B S, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Bà L, ông S đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, cả hai đều đã có vợ, chồng nhưng đã chết, xác định đến với nhau để nương tựa, chăm sóc lẫn nhau, vì vậy ông S, bà L kết hôn với nhau từ năm 2016, vợ chồng ông, bà có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, được khoảng một thời gian vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, đặc biệt là vì con cái giữa hai bên nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, ông S đi ở với con cái ở Hà Nội, không chung sống với bà L nữa phù hợp với lời khai của bà L, chị Yên (con gái ông S). Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông S.

Quá trình Tòa án thụ L, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ ông S đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để ông bà về đoàn tụ. Tuy nhiên ông S biết nhưng ông đều vắng mặt không có L do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho ông bà được. Như vậy thể hiện ông S không còn muốn xây dựng vợ chồng với bà L nữa, hơn nữa ông S có thể hiện quan điểm qua chị Yên là bà L xin ly hôn ông đồng ý ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa ông S, bà L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà L, ông S không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Bà L, ông S không có.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Bùi Minh S

2- Về con chung: Bà L, ông S không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Bà L, ông S không có

4 - Về án phí : Bà L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0000818 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Bà L đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Bà L, ông S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đào Dương, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**Hoàng Lương Hồng**

